

ĐỀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC

HỌC KỲ: I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Bậc đào tạo: Cao đẳng liên thông (C2)

Môn học: Công nghệ sản xuất may công nghiệp

Lớp: 25C2_CNM

Ngày thi: ____ / ____ / 20

Thời gian thi: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

Mã đề 103

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu, nộp lại đề sau khi thi
- Bài thi này gồm 40 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

Câu 1: Có thể bố trí một người làm việc trên hai thiết bị khác nhau trong trường hợp nào?

- A. Lượng công việc thực hiện trên các thiết bị đó gần bằng lượng công việc ở các vị trí làm việc khác
- B. Lượng công việc thực hiện trên các thiết bị đó bằng lượng công việc ở các vị trí làm việc khác
- C. Lượng công việc thực hiện trên các thiết bị đó cao hơn lượng công việc ở các vị trí làm việc khác
- D. Lượng công việc thực hiện trên các thiết bị đó thấp hơn lượng công việc ở các vị trí làm việc khác

Câu 2: Bảng thông số kích thước thành phẩm và bán thành phẩm để làm gì?

- A. Thiết kế mẫu và kiểm tra kích thước bán thành phẩm và thành phẩm
- B. Thiết kế mẫu
- C. Kiểm tra kích thước bán thành phẩm
- D. Kiểm tra kích thước thành phẩm

Câu 3: Bảng hướng dẫn sử dụng nguyên phụ liệu sẽ

- A. Ghi rõ bảng thông số kích thước
- B. Hướng dẫn cách may nguyên phụ liệu vào sản phẩm
- C. Thể hiện cụ thể tất cả các nguyên phụ liệu sử dụng cho mã hàng
- D. Ghi rõ mức tiêu hao từng loại nguyên phụ liệu cho một sản phẩm

Câu 4: Thực hiện các bước công việc của nhóm, một công nhân làm nhiều bước công việc là vai trò của loại dây chuyền nào?

- A. Vai trò của dây chuyền dọc
- B. Vai trò của dây chuyền ngang
- C. Vai trò của dây chuyền cụm
- D. Câu A, B và C đều đúng

Câu 5: Một Doanh nghiệp sản xuất hàng gia công mã hàng A có số lượng 5000 sản phẩm, định mức vải 1 mét / 1 sản phẩm, khách hàng đồng ý cung cấp vải với hao phí sản xuất (thay thân, lỗi sợi, đầu khúc...) là 2%. Lượng vải nhu cầu doanh nghiệp phải nhận là:

- A. 5202 mét
- B. 5100 mét
- C. 5098 mét
- D. 4998 mét

Câu 6: Các lắp ráp sau, lắp ráp nào là lắp ráp 3 chi tiết

- A. Ráp đô sau, may lá ba
- B. Ráp đô sau, may túi vào thân
- C. May lá ba, may túi vào thân
- D. May túi vào thân, may lộn bát tay

Câu 7: Thứ tự hình bên dưới thể hiện ký hiệu thiết bị gì?



- A. Máy bằng có dao xén tự động, máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ, máy móc xích, máy theo mẫu điện tử
- B. Máy 2 kim xích móc, máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ, máy móc xích, máy 2 kim cố định
- C. Máy 2 kim xích móc, máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ, máy bằng có dao xén tự động, máy 2 kim cố định
- D. Máy bằng có dao xén tự động, máy vắt sổ 2 kim 5 chỉ, máy móc xích, máy 2 kim cố định

Câu 8: Các lắp ráp sau, lắp ráp nào là lắp ráp các chi tiết không bằng nhau

- A. Ráp đô sau
- B. May túi vào thân
- C. May lộn lá cổ
- D. May sườn áo

Câu 9: Áo mẫu do xí nghiệp may đưa cho khách hàng duyệt được gọi là:

- A. Mẫu chuẩn
- B. Mẫu đối
- C. Mẫu gốc
- D. Mẫu sản xuất

Câu 10: Trong quá trình thiết kế mẫu, nếu giữa mẫu chuẩn và tài liệu kỹ thuật có sự khác nhau, ta dựa vào đâu để làm cơ sở cho việc thiết kế?

- A. Dựa vào tài liệu kỹ thuật làm cơ sở pháp lý
- B. Dựa vào mẫu chuẩn
- C. Trao đổi lại với khách hàng
- D. Tất cả các ý trên

Câu 11: Nếu trong quá trình nghiên cứu mẫu phát hiện có mâu thuẫn giữa mẫu chuẩn, tài liệu kỹ thuật với điều kiện thực tế của xí nghiệp thì cần phải

- A. Căn cứ theo điều kiện thực tế của xí nghiệp
- B. Căn cứ theo tài liệu kỹ thuật
- C. Căn cứ theo mẫu chuẩn
- D. Làm việc lại với khách hàng để đi tới thống nhất

Câu 12: Khổ vải 1,4 mét. Khi Giác sơ đồ trừ biên vải 2 cm biên. Khổ hữu dụng (khổ sơ đồ) là bao nhiêu?

- A. 1,42 mét
- B. 1,4 mét
- C. 1,38 mét
- D. 1,36 mét

Câu 13: Nghiên cứu về sản phẩm là nghiên cứu về

- A. Kiểu dáng, tính chất nguyên phụ liệu, màu sắc, độ co giãn, độ bền
- B. Kiểu dáng, chủng loại, màu sắc
- C. Màu sắc, tính chất nguyên phụ liệu, xu hướng
- D. Tất cả các ý trên

Câu 14: Diện tích mẫu giác sơ đồ SM = 8,5 mét vuông, chiều dài sơ đồ = 6 mét, rộng sơ đồ = 1,48 mét. Phần trăm vô ích (P) là

- A. 2 %
- B. 3 %
- C. 4 %
- D. 5 %

Câu 15: Khi giác sơ đồ thường giác số cỡ vóc tối thiểu và tối đa là bao nhiêu

- A. Tối thiểu là 1 và tối đa là 6
- B. Tối thiểu là 1 và tối đa là 8
- C. Tối thiểu là 2 và tối đa là 8
- D. Tối thiểu là 2 và tối đa là 6

Câu 16: Cho sự biến thiên của các thông số kích thước như sau

$$\begin{array}{ll} \Delta \text{Dài áo} & = 2\text{cm} & \Delta \text{Vòng ngực} & = 4\text{cm} \\ \Delta \text{Rộng vai} & = 1\text{cm} & \Delta \text{Vòng cổ} & = 1\text{cm} \end{array}$$

Hãy xác định cự ly dịch chuyển của các điểm chủ yếu

- A. $\delta \text{Dài áo} = 2\text{cm}$; $\delta \text{Rộng vai} = 0,5\text{cm}$; $\delta \text{Vòng ngực} = 1\text{cm}$; $\delta \text{Vòng cổ} = 0,2\text{cm}$
- B. $\delta \text{Dài áo} = 1\text{cm}$; $\delta \text{Rộng vai} = 0,5\text{cm}$; $\delta \text{Vòng ngực} = 1\text{cm}$; $\delta \text{Vòng cổ} = 0,2\text{cm}$
- C. $\delta \text{Dài áo} = 2\text{cm}$; $\delta \text{Rộng vai} = 0,5\text{cm}$; $\delta \text{Vòng ngực} = 2\text{cm}$; $\delta \text{Vòng cổ} = 0,2\text{cm}$
- D. $\delta \text{Dài áo} = 2\text{cm}$; $\delta \text{Rộng vai} = 1\text{cm}$; $\delta \text{Vòng ngực} = 1\text{cm}$; $\delta \text{Vòng cổ} = 0,2\text{cm}$

Câu 17: Diện tích mẫu giác sơ đồ SM = 8,15 mét vuông, chiều dài sơ đồ = 6.5 mét, rộng sơ đồ = 1,58 mét. Phần trăm vô ích (P) là

- A. 20 %
- B. 30 %
- C. 40 %
- D. 50 %

Câu 18: Kiểm tra về số lượng đối với vải cuộn tròn, ta cần làm gì?

- A. Dùng máy để kiểm tra chiều dài
- B. Cân trọng lượng để kiểm tra xác định chiều dài
- C. Dựa vào số liệu ghi trên phiếu là chính, nếu thấy có hiện tượng nghi vấn thì phải xỏ vải ra đo lại toàn bộ
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 19: Các lỗi vải do vận chuyển bảo quản là:

- A. Vải bị mốc, mục
- B. Vải bị ẩm ướt, rách
- C. Vải bị mối, nhện cắn
- D. Tất cả các lỗi trên

Câu 20: Phụ liệu may thường đặt ở đâu?

- A. Kho
- B. Kho nguyên phụ liệu
- C. Phòng kỹ thuật
- D. Xưởng cắt

Câu 21: Nghiên cứu về tính chất màu sắc hoa văn của nguyên liệu là:

- A. Xem xét thành phần của sợi dệt
- B. Xem xét cơ cấu dệt
- C. Xem xét cách bố trí văn hoa, tuyết, caro
- D. Tất cả các ý trên

Câu 22: Công tác chuẩn bị sản xuất về nguyên phụ liệu do ai phụ trách?

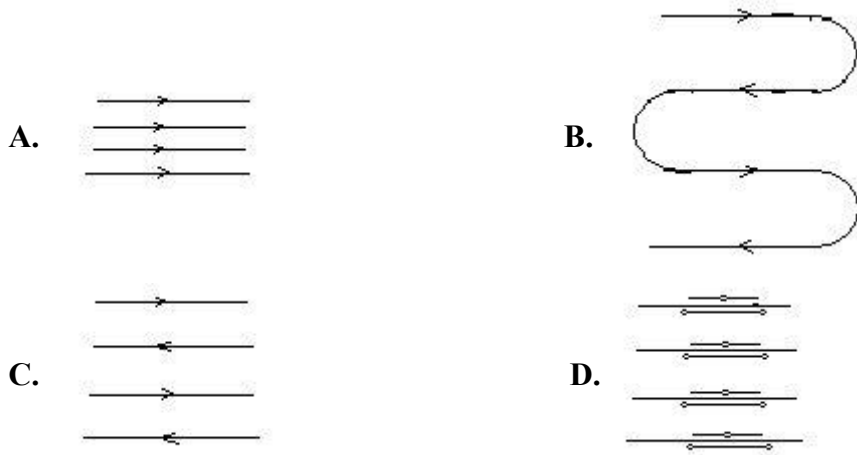
- A. Nhân viên của kho nguyên phụ liệu, nhân viên phòng kỹ thuật
- B. Nhân viên phòng kỹ thuật, chuyên trưởng
- C. Nhân viên của kho nguyên phụ liệu, chuyên trưởng
- D. Chuyên trưởng, tổ trưởng

Câu 23: Sắp xếp thứ tự đúng của quá trình tiến hành cắt:

1. Quan sát bàn vải
2. Cắt tinh các chi tiết nhỏ
3. Cắt phá bàn vải ra những phần nhỏ
4. Cắt thô những chi tiết lớn

- A. 1-4-3-2
- B. 1-2-3-4
- C. 1-3-4-2
- D. 4-3-2-1

Câu 24: Chọn ký hiệu phương pháp trái vải cắt đầu bàn không chiều



Câu 25: Nhược điểm của trái vải cắt đầu bàn có chiều là gì?

- A. Không thích hợp vải nhung hay vải có hoa văn một chiều
- B. Tiêu hao cho vải lớn
- C. Lớp vải được cắt xong phải cắt đầu bàn, không tận dụng được công suất trái vải
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 26: Khi phối kiện áo sơ mi nam, dài tay có măng set, độ 2 lớp, có túi gồm bao nhiêu chi tiết

- A. 20
- B. 18
- C. 13
- D. 21

Câu 27: Chuẩn bị vải trái cho bàn cắt có chiều dài sơ đồ 6 mét, trái 100 lớp, hao phí đầu bàn trái là 0,02 mét. Tính lượng vải cần trái cho bàn cắt trên.

- A. 600 mét
- B. 602 mét
- C. 620 mét
- D. 630 mét

Câu 28: Cách tẩy các vết bẩn bằng nhựa đường:

- A. Khử bằng dung dịch NH_4OH
- B. Dùng xà phòng
- C. Dùng dung dịch Javel nồng độ 0,5g/l
- D. Câu A, B, C đều đúng

Câu 29: Sản phẩm sau khi gấp gói phải đảm bảo những yêu cầu nào:

- A. Hình thức ưa nhìn và kích thước gấp gói đúng quy cách
- B. Bề mặt ngoài các sản phẩm không được nhăn nát, nhăn nhúm
- C. Các chi tiết không cần đối xứng
- D. Cả A, B đều đúng

Câu 30: Sau khi ủi hơi xong ta cần làm gì?

- A. Gấp xếp
- B. Treo sản phẩm lên để hơi nước còn lại bốc đi
- C. Đóng gói
- D. Tất cả các ý trên

Câu 31: Khi đóng thùng con đối với mặt hàng có giá trị cao, trung bình đóng bao nhiêu sản phẩm trên 1 thùng

- A. 5
- B. 10
- C. 15
- D. 20

Câu 32: Sau khi may mẫu xong, người may phải

- A. Chuyển mẫu cho khách hàng duyệt
- B. Tổng hợp tất cả những sai sót bất hợp lý của mẫu mỏng, báo cáo ngay với người thiết kế mẫu để chỉnh lý
- C. Chuyển mẫu cho phân xưởng may
- D. Tất cả các ý trên

Câu 33: Có độ giãn lớn nhất là canh vải:

- A. Vuông góc với biên vải
- B. Song song với biên vải
- C. Biến thiên so với biên vải
- D. Biến thiên so với biên vải một góc 45 độ

Câu 34: Yêu cầu về ủi:

- A. Sản phẩm ủi xong không có hiện tượng sau: vàng, trầy, ó bản mặt vải
- B. Các chi tiết của sản phẩm không bị phồng rộp hay bong
- C. Tất cả những điểm trên bề mặt của sản phẩm phải phẳng khi gấp vào và đảm bảo về yêu cầu thẩm mỹ của sản phẩm
- D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 35: Yếu tố ảnh hưởng đến thời gian làm việc khi may sản phẩm:

- A. Chất lượng nguyên liệu, màu sắc, hoa văn
- B. Cấp chất lượng của sản phẩm
- C. Độ phức tạp của các chi tiết trên sản phẩm
- D. Tất cả các câu đều đúng

Câu 36: Canh xéo là canh:

- A. Vuông góc với biên vải
- B. Song song với biên vải
- C. Biến thiên một góc 45 độ
- D. Biến thiên so với biên vải

Câu 37: Các yếu tố cần thiết để sản xuất may công nghiệp đạt hiệu quả

- A. Vòng tiền tệ, khả năng tiếp thị, khả năng sản xuất, công nghệ, nguồn cung ứng vật tư đầu vào, nguồn nhân lực, quản trị thu hút vốn đầu tư
- B. Nguồn vốn, khả năng tiếp thị, khả năng sản xuất, công nghệ, nguồn cung ứng vật tư đầu vào, nguồn nhân lực, quản trị thu hút vốn đầu tư
- C. Vòng tiền tệ, khả năng tiếp thị, khả năng sản xuất, công nghệ, nguồn hàng, nguồn nhân lực, quản trị thu hút vốn đầu tư
- D. Vòng tiền tệ, khả năng tiếp thị, khả năng sản xuất, công nghệ, nguồn hàng, nguồn nhân lực, hợp tác doanh nghiệp

Câu 38: Việc sản xuất hàng may mặc công nghiệp có thể phân chia thành mấy công đoạn

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 39: Trong nguyên tắc kiểm tra chất lượng sản phẩm, tổ trưởng và phụ kiểm hoá kiểm tra bao nhiêu % các sản phẩm thành phẩm:

- A. 70%
- B. 80%
- C. 90%
- D. 100%

Câu 40: Những nhiệm vụ sau đây, nhiệm vụ nào không thuộc nhiệm vụ của phòng KCS

- A. Kiểm tra chất lượng toàn bộ từ khâu đầu đến khâu cuối và có kết luận rõ ràng
- B. Lập biên bản những trường hợp sai qui trình kỹ thuật, sai hỏng sản phẩm gây thiệt hại kinh tế cho xí nghiệp và qui rõ trách nhiệm thuộc về ai
- C. Lập bảng thống kê chi tiết sản phẩm
- D. Lập báo cáo tháng, quý về tình hình chất lượng sản phẩm gửi lên cấp trên

Hết

GHỊ CHÚ: CÁN BỘ COI THI KHÔNG ĐƯỢC GIẢI THÍCH GÌ THÊM.

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ